



Đạo đức Phật giáo và ảnh hưởng tinh thần đối với người Việt

ISSN: 2734-9195

11:30 02/01/2023

Tác giả: **ĐD.Thích Chúc Duyên** Học viên Cao học Khóa 4, Học viện PGVN tại Tp.HCM

A. Dẫn nhập.

Tất cả tôn giáo hiện hữu trên cuộc đời này không ngoài mục đích hướng dẫn chúng sinh sống thiện và hành thiện để chuyển hóa năng lượng lành vào thể trung tâm của vũ trụ đó là con người.

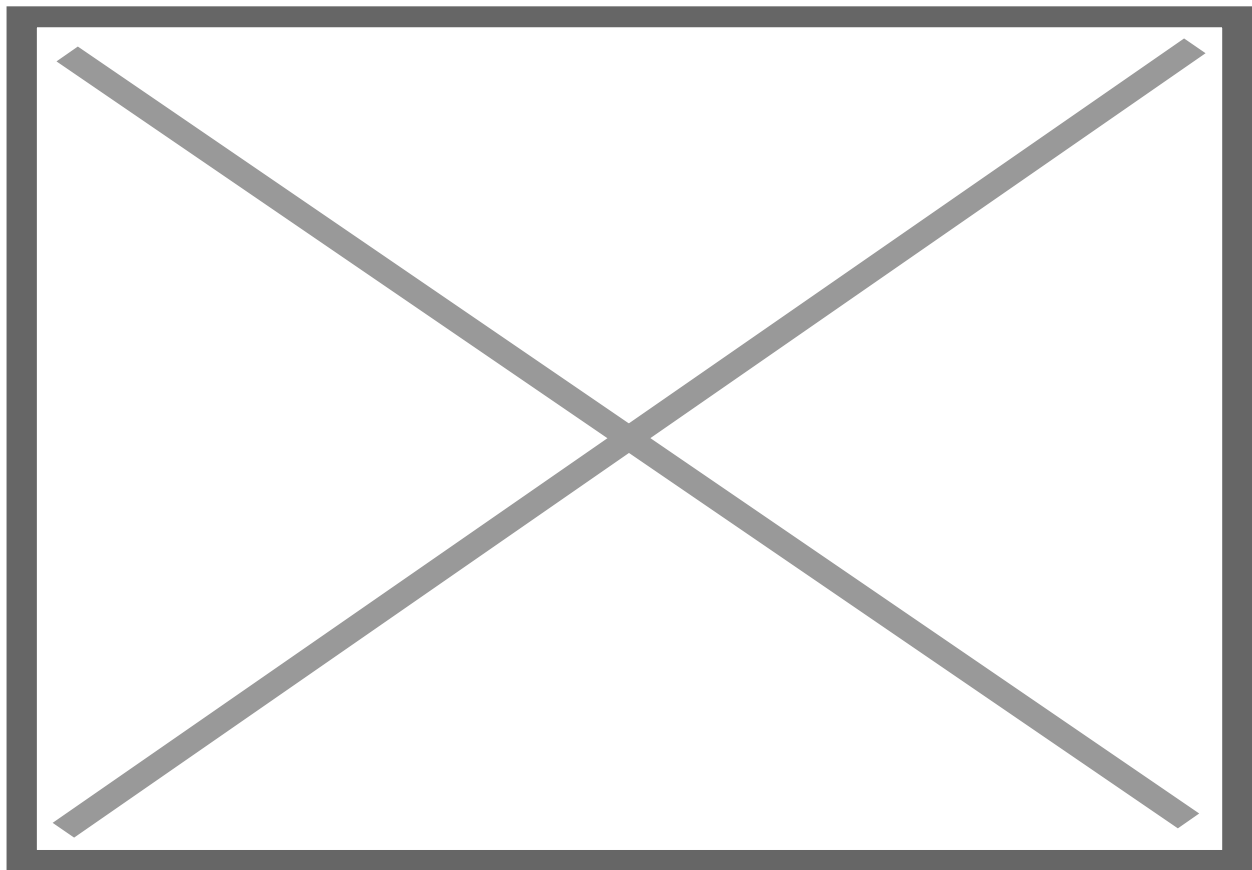
Phật giáo xuất hiện ở chốn nhân gian này cũng vậy, chuyển hóa nỗi đau và làm lợi ích cho chư Thiên và loài người, chỉ ra cho chúng sinh biết được đâu là nỗi khổ và nguồn gốc của khổ và tự mình đoạn diệt đó. Đạo Phật xuất hiện ở Ấn Độ cách đây hơn 2500 và cũng từ đó lan tỏa khắp thế giới, đạo Phật là một tôn giáo chỉ ra được sự bình đẳng trong các giai cấp, chỉ ra được sự đạo đức của con người, chịu ơn và luôn luôn báo ơn đó là mục đích mà đạo Phật hướng đến cho những ai đã và đang theo học Phật và mong muốn được giác ngộ giáo lý mà đức Phật chỉ dạy. Không những sống có đạo đức mà từ đạo đức dạy cho chúng ta biết được sự hiếu thảo với Cha Mẹ, có trách nhiệm với gia đình như vợ chồng con cái đó là trách nhiệm với gia đình và nói xa hơn nữa đó là trách nhiệm với quốc gia xã hội và thậm chí con biết ơn quốc vương đại thần hay xa hơn nữa là biết ơn đến những người cho chúng ta một xã hội bình yên, cho chúng ta cơm ăn áo mặc, vì thế đạo đức luôn là đề tài hay mối quan tâm của Đạo Phật và luôn luôn được tuyên truyền và gìn giữ, ngay trong thời quá đường hằng ngày của chư tăng hay trong tất cả các khóa tu tập sự cho người phật tử tại gia trước khi thọ thực đều phải “Tam đề ngũ quán” đó là tinh thần đạo đức của Đạo Phật luôn luôn quan tâm và hướng đến để thực hành mỗi lúc – mỗi nơi trước khi thực hành giáo lý giải thoát.

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm và luôn gắn bó với những bước thăng trầm của lịch sử dân tộc. Những tư tưởng, giáo lý của Phật giáo đã ngấm sâu vào tư duy và trở thành một bộ phận văn hóa, nếp sống của người Việt.

Với bề dày lịch sử hơn 2000 năm tại Việt Nam, Phật giáo đã khẳng định chân giá trị của nó trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Phật giáo đã trở thành một hệ tư tưởng - tôn giáo có sức sống lâu dài và đã có những ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống con người Việt Nam. Trải qua mọi thời đại, văn hóa Phật giáo là một bộ phận không thể tách rời của văn hóa dân tộc. Đạo Phật với quan niệm nhân sinh độc đáo đã trở thành một bộ phận không thể thiếu của nền văn hóa Việt Nam. Phật giáo với cái đích là cứu con người thoát khỏi nỗi khổ muôn đời, với cứu cánh là giải thoát, nó mang đậm tính triết học hơn bất kỳ một tôn giáo nào khác. Phật giáo chứa đựng một hệ thống những tư tưởng về thế giới quan, nhân sinh quan vô cùng sâu sắc. Những tư tưởng cơ bản của đạo đức Phật giáo đã và đang có những tác động, ảnh hưởng sâu rộng trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội ở nước ta hiện nay.

Khoa học kỹ thuật đã phát minh nhiều ứng dụng kỹ thuật vào cuộc sống nhân loại và giải quyết một cách triệt để những nhu cầu của cuộc sống vật chất, khoa học công nghệ đã chứng tỏ sức mạnh của mình qua các cuộc cách mạng công nghiệp. Phải thừa nhận rằng đỉnh cao của “nền khoa học” đã thúc đẩy kinh tế ngày càng phát triển, đời sống vật chất phong phú hơn, văn minh nhân loại dần được nâng cao, con người có nhiều cơ hội tự học tập trong các lĩnh vực nhất là khoa học và kỹ thuật.

Nhưng bên cạnh đó, thời đại văn minh phải đối diện với thực trạng đạo đức xuống cấp trong lối sống, học đường, gia đình, xã hội... ở phần lớn “*thanh thiếu niên*”, thế hệ được xem là “*chủ nhân tương lai của đất nước*”. Thế giới ghi nhận và thừa hưởng các thành quả tiến bộ của khoa học nhưng đồng thời phải đối diện với các cuộc khủng hoảng như khủng hoảng môi trường, khủng hoảng kinh tế, đặc biệt là “*Cuộc Khủng Hoảng Đạo Đức*” với hàng loạt các cuộc bạo động từ chính trị đến tôn giáo do những thành phần mất lý tưởng đạo đức hay tiếp nhận một nền lý tưởng sai lệch. Để giải quyết vấn nạn trên, xã hội cần tìm một nền đạo đức có đủ khả năng chuyển hóa con người đầy tham lam, sân hận, si mê trở thành những người sống đúng chân lý, thực hành hiểu biết và yêu thương, vì vậy các nhà triết học, khoa học, chính trị, xã hội tìm đến nền “*đạo đức tôn giáo*” với hy vọng cân bằng giữa “*vật chất và tinh thần*”. Trong đó, đạo đức Phật giáo được đánh giá cao qua cuộc đời và giáo lý của đức Phật đã dạy.



B. Nội dung.

1. Lý Luận Chung Về Đạo Đức Và Đạo Đức Phật Giáo.

1.1. Khái niệm đạo đức và quan niệm đạo đức Đông - Tây.

1.1.1. Khái niệm đạo đức

Đạo đức là một từ Hán-Việt, được dùng từ xa xưa để chỉ một yếu tố trong tính cách và giá trị của mỗi con người. Là hệ thống các quy tắc về chuẩn mực của cộng đồng và xã hội. Đạo là con đường, đức là tính tốt hoặc những công trạng tạo nên. Khi nói một người có đạo đức là ý nói người đó có sự rèn luyện thực hành các lời răn dạy về đạo đức, sống chuẩn mực và có nét đẹp trong đời sống và tâm hồn.

Từ đạo đức (ethics) trong tiếng Anh có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp Cổ đại *ēthikós* (ἠθικός), nghĩa là “*liên quan đến tính cách của một người*”, bản thân nó bắt nguồn từ từ gốc *ēthos* (ἦθος) nghĩa là “*tính cách, bản chất đạo đức*”. Từ này được chuyển sang tiếng Latinh là *ethica* và sau đó sang tiếng Pháp là *éthique*,

từ đó nó được chuyển sang tiếng Anh.

Rushworth Kidder nói rằng *“các định nghĩa tiêu chuẩn về đạo đức thường bao gồm các cụm từ như”* khoa học về tính cách lý tưởng của con người hoặc khoa học về bốn phận phải làm [1]. Richard William Paul và Linda Elder định nghĩa đạo đức là *“một tập hợp các khái niệm và nguyên tắc hướng dẫn chúng ta xác định hành vi nào giúp ích hoặc gây hại cho các sinh vật có tri giác”* [2]. Paul và Elder nói rằng hầu hết mọi người nhầm lẫn giữa đạo đức với việc cư xử phù hợp với các quy ước xã hội, niềm tin tôn giáo, luật pháp và không coi đạo đức là một khái niệm độc lập [3].

Từ đạo đức đề cập đến một số điều khác nhau. Nó có thể đề cập đến đạo đức triết học hoặc triết học đạo đức - một cố gắng sử dụng lý trí để trả lời các loại câu hỏi đạo đức khác nhau. Như nhà triết học đạo đức người Anh Bernard Williams đã viết, khi cố gắng giải thích triết học đạo đức: *“Điều khiến một cuộc điều tra trở thành một cuộc điều tra triết học là tính khái quát phản ánh và một phong cách lập luận tuyên bố là có sức thuyết phục hợp lý.”* [4]. Williams mô tả nội dung giải quyết câu hỏi rất rộng, *“một người nên sống như thế nào”*. Đạo đức cũng có thể đề cập đến khả năng suy nghĩ chung của con người về các vấn đề đạo đức mà không riêng gì triết học. Như nhà đạo đức sinh học Larry Churchill đã viết: *“Đạo đức, được hiểu là năng lực suy nghĩ chín chắn về các giá trị đạo đức và chỉ đạo hành động của chúng ta theo các giá trị đó, là một năng lực chung của con người.”* [5]. Đạo đức cũng có thể được sử dụng để mô tả các nguyên tắc hoặc thói quen mang phong cách riêng của một người cụ thể [6].

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam thì: *“Đạo đức (Morality) là một trong những hình thái sớm nhất của ý thức xã hội bao gồm những chuẩn mực xã hội điều chỉnh hành vi của con người trong quan hệ với người khác và với cộng đồng (gia đình, làng xóm, giai cấp, dân tộc hoặc toàn xã hội). Căn cứ vào những chuẩn mực ấy, người ta đánh giá hành vi của mỗi người theo các quan niệm về thiện và ác, về cái không được làm (vô đạo đức) và về nghĩa vụ phải làm. Khác với pháp luật, các chuẩn mực đạo đức không ghi thành văn bản pháp quy có tính cưỡng chế, song đều được mọi người thực hiện do sự thôi thúc của lương tâm cá nhân và của dư luận xã hội”* [7].

Đạo đức tiếng Anh gọi là Ethic có nghĩa: Moral principles that control or influence a person's behavior. A system of moral principles or rules of behaviour [8]. tạm dịch là: Những nguyên lý đạo đức chế ngự và ảnh hưởng đến hành vi của con người. Hệ thống những nguyên lý đạo đức hay nguyên tắc đạo đức của hành vi. Như vậy giá trị đạo đức và chuẩn mực đạo đức tùy theo mỗi hệ tư tưởng, mỗi thời đại, v.v...mà có sự sai khác. Tuy nhiên đạo đức là vấn đề luôn

được đáng quan tâm. Cho nên, trong kho tàng văn hóa nhân loại, quan niệm về đạo đức không phải là ít. Đây có thể xem là phạm trù mà các nhà tư tưởng lớn của thế giới thường đề cập.

Theo tác giả đề tài cho rằng đạo đức là một danh từ chỉ về nhân cách của con người, chúng ta thường gặp và dễ dàng hiểu tùy theo trình độ. Những nguyên lý đạo đức chế ngự và ảnh hưởng đến hành vi của con người. Hệ thống những nguyên lý đạo đức hay nguyên tắc đạo đức của hành vi. Vì vậy con người muốn hoàn hảo thì phải tự biết hòa điệu giữa tự thân và tha nhân, gia đình và xã hội. Khái niệm đạo đức hoàn toàn do con người quyết định được thiết lập ngay trong đời sống thực tại này.

Ngày nay, khái niệm đạo đức còn được các nhà nghiên cứu mở rộng hơn, không chỉ trong phạm vi các quan hệ xã hội, mà còn cả trong hành vi ứng xử của con người với tự nhiên, như vấn đề đạo đức sinh thái - cách ứng xử của con người với môi trường sống tự nhiên xuất phát từ vấn nạn ô nhiễm môi trường hiện nay. Mỗi xã hội, mỗi cộng đồng người hay mỗi cá nhân có thể giải thích về cái thiện, cái ác theo những cách khác nhau tùy thuộc vào quan niệm sống của mình; nhưng lịch sử tồn tại và phát triển của xã hội loài người đã tạo nên những giá trị đạo đức có tính phổ biến, chung cho tất cả mọi người, như công bằng, dũng cảm, vị tha, nhân từ v.v...

Sự biểu hiện của đạo đức trong đời sống thường nhật được cụ thể hóa bằng những quy tắc xử sự của con người trên hai phương diện: Thứ nhất là những ứng xử của con người với tự nhiên (còn gọi là đạo đức sinh thái), vì trong quan hệ với môi trường thiên nhiên, con người được xem là một sinh vật hữu tình, sinh tồn trong thế giới vô cùng rộng lớn và nhiều bí ẩn, là *“đứa con của mẹ thiên nhiên”*, được thiên nhiên bảo bọc, che chở. Theo đó, con người là một tiểu vũ trụ, là một bộ phận của thế giới tự nhiên, sự tồn tại và phát triển là phụ thuộc vào thế giới tự nhiên. Vì vậy, mỗi hành vi thái quá của con người khi tác động vào tự nhiên sẽ làm mất trạng thái thăng bằng của nó, và như thế là trái với quy luật, là phi đạo đức sinh thái, đúng như lời nhận định của các nhà khoa học về môi trường rằng: *“hủy hoại tự nhiên cũng là hủy hoại chính bản thân mình”*. Thứ hai là những quy tắc ứng xử của con người với nhau trong vô số những quan hệ trong cộng đồng. Những quan hệ này có tính hai mặt, một mặt nó là điều kiện, là môi trường để con người thể hiện hành vi đạo đức của mình, mặt khác thông qua những quan hệ này mà các chuẩn tắc đạo đức cũng được kiến tạo, bồi đắp và hoàn thiện.

Phạm trù đạo đức luôn mang tính lịch sử cụ thể vì mỗi thời đại đều xây dựng cho mình thể chế đạo đức khác nhau. Đạo đức cũng không phải là cái gì cao

siêu, trừu tượng, khó hiểu mà nó ra đời, tồn tại và phát triển do nhu cầu của xã hội, bởi lẽ, là một hình thái ý thức xã hội, đạo đức luôn chịu sự chi phối của tồn tại xã hội. Khi quy luật tồn tại xã hội thay đổi thì đạo đức cũng thay đổi theo cho phù hợp. Mọi quy tắc đạo đức chỉ có thể được thực hiện trong xã hội, do các quan hệ xã hội quy định, điều đó có nghĩa là các quan hệ xã hội là những yếu tố không thể thiếu cho sự hình thành và phát triển các quy tắc đạo đức.

1.1.2. Quan niệm đạo đức Đông – Tây.

Suốt từ thời cổ đại, đạo đức bao giờ cũng là một bộ phận của triết học. Những vấn đề của đạo đức nhiều khi còn là vấn đề trung tâm của nhiều hệ thống triết học. Các bộ phận khác như bản thể luận, nhận thức luận thường chỉ đóng vai trò cơ sở cho việc xây dựng hệ thống đạo đức. Điều này biểu hiện rõ nét trong triết học của Platon, Aristotle, trường phái Êpiqueya, trường phái Ích kỷ, Spinôda, Kant, trong triết học của Khổng tử, Mạnh tử, Lão tử, Tuân tử và nhiều trường phái khác. Tại sao vậy? Bởi vì đạo đức chính là triết học của đời sống thực tiễn, mà lợi ích của đời sống thực tiễn thường lấn át lợi ích lý thuyết thuần túy.

Tư tưởng đạo đức học của người Hy Lạp cổ đại chú trọng lý giải sự hình thành các chuẩn mực luân lý và tập tục, tìm cách phân biệt thật-giả, thiện-ác... Đạo đức học lúc này được coi là học thuyết về phẩm hạnh.

Người Trung Quốc cổ đại cũng có những quan niệm đạo đức học rất sớm. Đạo ban đầu chỉ có nghĩa là con đường đã đi theo Thuyết Văn Giải Tự, về sau có thêm nghĩa là con đường có chí hướng nhất định, hướng dẫn hành vi con người theo một phương hướng nào đó. Nói tóm lại, đạo là con đường sống của con người trong xã hội. Đức trong nghĩa thông dụng của người Trung Quốc cổ đại chỉ đức hạnh tốt, phần tốt đẹp, thẳng thắn của con người. Đức thường được hiểu là biểu hiện của đạo. Nói đạo đức liên nhau thường để chỉ những yêu cầu, những nguyên tắc cuộc sống đặt ra, đòi hỏi mọi người tuân theo.

Tư tưởng đạo đức trong kinh Veda: Chủ yếu là tìm ra cách cư xử đúng đắn hơn trong sự hòa điệu giữa con người và tự nhiên. Con người muốn đạt được sự bình an, hạnh phúc tất yếu phải nhờ đến sự giúp đỡ của các đấng thần linh thông qua con đường hiến tế. Đây là con đường thể hiện rõ trách nhiệm và bổn phận của con người trong đẳng cấp của mình, nếu không thì sẽ bị hạ xuống đẳng cấp thấp hơn.

Tư tưởng đạo đức trong kinh Upanishad: chủ yếu chú trọng về tri thức tuyệt đối, đời sống tâm linh và nghiệp báo luân hồi (Karma - samsara), giải thoát (Moksha). Upanishad quan niệm rằng: biết tức là giải thoát, do đó con người muốn biết thì tất yếu phải “*thực nghiệm tâm linh*” qua lối sống thoát tục và thiền định. Tư

tưởng trong kinh Upanishad đánh dấu sự biến đổi lớn từ tinh thần nghi thức tế lễ sang tinh thần triết lý.

Tư tưởng đạo đức trong sử thi Ramayana: là triết lý đạo đức và nhân sinh thể hiện trong quan niệm về trách nhiệm, bốn phận tự nhiên của con người, về lý tưởng sống cao cả của con người. Trong đó lòng quả cảm, đức hy sinh, không bị mê hoặc bởi dục vọng của Rama, lòng trung trinh, can đảm, giàu đức nhân từ của Sita những tấm gương điển hình về lý tưởng sống cao cả của người Ấn Độ.

Tư tưởng đạo đức trong sử thi Mahabharata: Là chỉ ra cái cao quý và thiết yếu nhất trong mỗi con người không phải là tình cảm, ý muốn, dòng máu, thân tộc hay sống chết, mà là cái giá trị cao cả, bất diệt trong linh hồn con người, là sự biểu hiện của linh hồn vũ trụ tuyệt đối, tối cao. Ngoài ra, tư tưởng đạo đức còn được thể hiện qua truyền thống Đácma, nghĩa là đạo đức hiền hòa, bình đẳng, bác ái của thời kỳ công xã nguyên thủy.

Theo quan điểm Nho giáo, các chuẩn mực đạo đức cơ bản mà người quân tử cần phải có bao gồm: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín (ngũ thường). Các chuẩn mực đạo đức này được đề cập trong Kinh thư, Kinh thi, đặc biệt là trong Luận ngữ của Khổng Tử. Theo đó, nhân cách lý tưởng, “*toàn đức*” của bậc quân tử phải là sự thống nhất và bổ sung lẫn nhau của “*ngũ thường*”. Như vậy, Nho giáo xem xét, đánh giá con người thông qua các mối quan hệ xã hội, đặt ra những chuẩn mực đạo đức tương đối cụ thể, chỉ rõ trách nhiệm đạo đức của mỗi cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội. Nho giáo đặc biệt đề cao đạo tu thân, coi đây là yêu cầu quan trọng bậc nhất trong việc tu dưỡng đạo đức của con người [9].

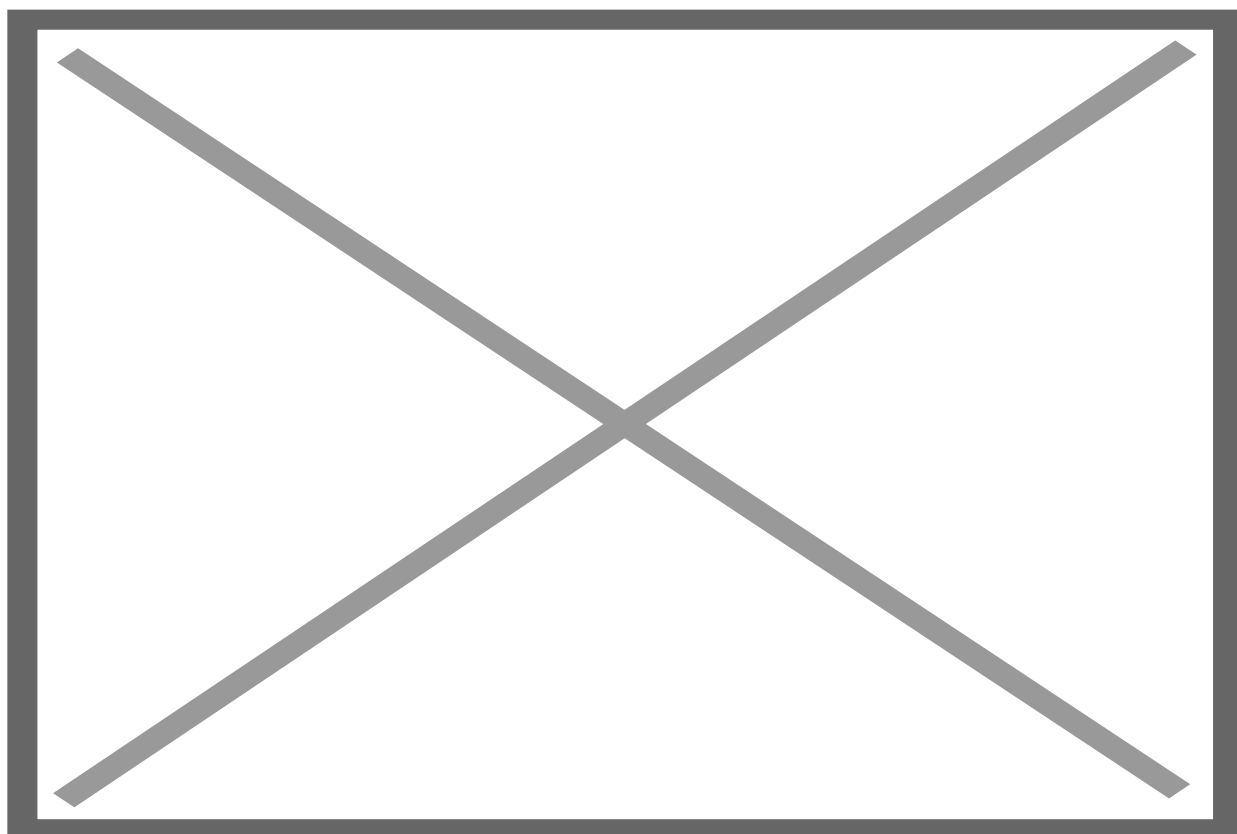
Đạo trong Kinh Dịch đặt trên nền tảng thiên kinh địa nghĩa: Trật tự xã hội phản ánh trật tự vũ trụ. Không có một đẳng tối cao nào có thể tùy tiện ban phúc giáng họa mà chỉ còn các nguyên lý vô ngã Âm Dương, ngã □ = tôi, vô ngã = không có cái tôi, mà theo ngôn ngữ hiện đại được hiểu là quy luật khách quan. Nói một cách khác theo ngôn ngữ của chúng ta ngày nay thì Đạo là quy luật xảy ra xung quanh ta không tùy thuộc vào ý nguyện cá nhân của bất cứ ai. Đức □ là hiểu Đạo. Đức là mức độ tập trung của Đạo ở một con người. Nói theo ngôn từ ngày nay Đức là trình độ năng lực nắm vững và vận dụng quy luật. Trình độ cao bao nhiêu thì Đức dày bấy nhiêu. Thánh nhân là người có Đức. Theo cách hiểu ngày nay thánh nhân đơn giản chỉ là “*người có trình độ*” nắm vững được sự vận động khách quan của quy luật, kể cả quy luật tự nhiên lẫn quy luật xã hội.

Giá trị đạo đức truyền thống dân tộc Việt Nam là sản phẩm của lịch sử, có từ buổi đầu dựng nước và giữ nước. Chính đặc điểm điều kiện tự nhiên hình thành và phát triển của xã hội Việt Nam đã làm cho các giá trị truyền thống được vun đắp trong suốt tiến trình lịch sử. Những giá trị này được mọi người thừa nhận và

được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, và trở thành sức mạnh, bản sắc của con người Việt Nam. Nghiên cứu về các giá trị đạo đức truyền thống của người Việt Nam đã có rất nhiều học giả với quan niệm khác nhau.

Giáo sư Trần Văn Giàu cho rằng: *“Các giá trị truyền thống của dân tộc ta có bảy phạm trù: yêu nước, cần cù, anh hùng, sáng tạo, lạc quan, thương người, vì nghĩa. Trong đó ông cho rằng yêu nước là giá trị truyền thống cơ bản nhất của dân tộc, vì yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử Việt Nam”* [10].

Mặt khác, Hội nghị Trung ương 5 - khóa VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1998 đã toát lên các tiêu chí đạo đức, lối sống, nhân cách và giá trị con người Việt Nam khi đề cập đến bản sắc của dân tộc Việt Nam, tạo nên hệ thống các giá trị truyền thống cơ bản: *“Bản sắc dân tộc Việt Nam bao gồm những giá trị truyền thống bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, được vun đắp qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn và ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã, lòng nhân ái - khoan dung, đức cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống...”* [11]. Như vậy, có thể khái quát các giá trị đạo đức truyền thống cơ bản của người Việt Nam là: truyền thống yêu nước; truyền thống đoàn kết; truyền thống cần cù, sáng tạo, tiết kiệm trong lao động; truyền thống tự chủ, tự lực, tự cường; truyền thống nhân ái, khoan dung; truyền thống lạc quan.



1.2. Quan niệm đạo đức trong Phật giáo.

1.2.1. Đạo đức Phật giáo.

Theo Phật Quang đại từ điển quyển 2 thì “Đạo đức là nguyên lý thiện ác, chính tà có liên quan đến hành vi của nhân loại. Đạo đức chữ La tinh là mors, cùng nghĩa với chữ êthos (tập tục), bởi vì tập tục là nền tảng đạo đức và pháp luật, trong đó pháp luật là phép tắc trong hoạt động xã hội, còn đạo đức thì là mẫu mực tất yếu của cá nhân trong phép tắc sinh hoạt xã hội loài người” [12]. Và theo Từ điển Phật học thì “Đạo là chính pháp, đức là đặc đạo, là không làm sai lệch nền chính pháp” [13]. Như vậy, nếu chính pháp của Phật giáo là chính pháp về giải thoát thì mọi giá trị đạo đức Phật giáo gắn liền với quá trình giải thoát. Nội dung cơ bản của tư tưởng đạo đức Phật giáo được thể hiện chủ yếu ở: Quan điểm về: đức từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha; tu tâm; hành thiện, giải thoát và xây dựng các mối quan hệ xã hội. Đó là những nội dung chung nhất và có giá trị phổ quát nhất.

Đối với Phật giáo, đạo Phật chủ trương Từ bi và Trí tuệ. Tinh thần từ bi đó không chỉ giữa người với người, mà còn giữa người với muôn loài chúng sinh. Tinh thần trí tuệ thể hiện ở phân biệt được đâu là chính-tà, chân thật-giả dối, biết được việc gì nên làm và việc gì không nên. Nhờ đó, lòng từ bi của chúng ta mới thật sự có ý nghĩa và giá trị. Nếu không, chúng ta sẽ rơi vào tình huống “*làm ơn mắc oán*”. Khi đức Thế Tôn còn tại thế, trước khi giáo hóa một ai đó, Ngài luôn dùng tuệ quán để xem xét căn cơ, thời điểm vì đó mà nói pháp, chứ không phải không có nhân duyên.

Từ bi - giá trị nền tảng của đạo đức Phật giáo: Lòng từ bi, bác ái là điểm nổi bật của giáo lý Phật giáo khuyên con người sống có đạo đức, có tình thương yêu, không phân biệt đối với mọi người và mọi loài. Từ bi là đem lại niềm vui, hạnh phúc cho mọi người, mọi loài, và cứu khổ, cứu nạn cho chúng sinh, quên những lợi ích của bản thân. Từ bi có ba ý nghĩa: Một là, Phật giáo đem tình yêu thương, bình đẳng đến với mọi người; Hai là, Phật giáo đề cao con người và giải thoát con người khỏi khổ đau; Ba là, Phật giáo đào tạo con người **“Từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha”**.

Tu tâm - giá trị định hướng của đạo đức Phật giáo: Phật giáo quan niệm, mọi sự mọi việc đều do tâm tạo ra tất cả. Tu tâm là hành Bát chính đạo để thành tựu giới, định, tuệ. Bát chính đạo gồm: chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng, chính tinh tấn, chính niệm, chính định. Bên cạnh đó tu tâm còn là thực hành: ngũ giới, lục độ.

Hành thiện - giá trị chủ đạo của đạo đức Phật giáo: Đạo Phật khuyên con người làm lành lánh dữ. Hễ việc nào mang tính thiện thì dốc sức thực hành, cốt yếu là giữ tâm ý trong sạch để không bị những phiền não quấy nhiễu. Trong Kinh Pháp Cú 183, đức Phật có nói: *“Không làm mọi điều ác, Thành tựu các hạnh lành, Tâm ý giữ trong sạch, Chính lời chư Phật dạy”* (Thích Minh Châu, 2016, tr.85). Theo Đạo Phật, đạo đức thể hiện rõ nhất trong việc giữ giới. Đối với giới luật của Phật giáo nói chung thì Ngũ giới là một trong những điều đạo đức cốt lõi, thiết thực cho tất cả mọi người.

Xây dựng các mối quan hệ xã hội: Phật giáo không chỉ chú trọng đến việc hoàn thiện đạo đức cá nhân mà còn quan tâm đến vấn đề xây dựng mối quan hệ gia đình và xã hội dựa trên Sáu pháp lục hòa kính: Có năm mối quan hệ cơ bản trong gia đình và xã hội mà trong Kinh Thiện Sinh (Kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt) Đức Phật đề cập đến:

Một là, quan hệ giữa cha mẹ và con cái: Có thể nói mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái là mối quan hệ huyết thống và thiêng liêng nhất của con người, đặc biệt là đối với người Việt Nam. Đức Phật cũng rất xem trọng mối quan hệ này. Ngài dạy cha mẹ có năm trách nhiệm đối với con cái và con cái có năm bổn phận đối với cha mẹ. Đức Phật dạy: *“Này gia chủ tử có năm trường hợp người con phải phụng dưỡng cha mẹ như phượng Đông: “Tôi sẽ nuôi dưỡng cha mẹ; tôi sẽ làm tròn bổn phận đối với cha mẹ; tôi sẽ giữ gìn danh dự gia đình và truyền thống; tôi sẽ bảo vệ tài sản thừa tự; tôi sẽ làm tang lễ theo phong tục tập quán khi cha mẹ qua đời”. Này gia chủ tử, được con phụng dưỡng như phượng Đông theo năm cách như vậy; cha mẹ có lòng thương tưởng đến con theo năm cách: Ngăn chặn con làm điều ác; khuyến khích con làm điều thiện; dạy cho con có nghề nghiệp, cưới vợ, gả chồng xứng đáng cho con; đúng thời trao của thừa tự cho con. Này gia chủ tử như vậy là cha mẹ được con phụng dưỡng như phượng Đông theo năm cách và cha mẹ có lòng thương tưởng đến con theo năm cách”* [14].

Hai là, quan hệ giữa thầy và trò: Trong Nho giáo ta thường nghe *“Quân - Sư - Phụ”* cho thấy người xưa đã đặt vị trí ông thầy rất cao trong xã hội phong kiến. Ngày nay thầy giáo, cô giáo vẫn được xem là nghề cao quý và được xã hội rất tôn trọng. Sự thành bại trong sự nghiệp của một cá nhân, một phần lớn là do người thầy dạy dỗ. Riêng đối với đạo Phật, người thầy có vai trò, trách nhiệm và bổn phận nhiều hơn nữa. *“Các bậc sư trưởng có lòng thương tưởng đến các đệ tử theo năm cách: Chỉ dẫn đệ tử những gì mình đã được khéo huấn luyện; dạy cho bảo trì những gì mình được khéo bảo trì; dạy cho thuần thục các nghề nghiệp; khen đệ tử với các bạn bè quen thuộc; bảo đảm nghề nghiệp cho đệ tử về mọi mặt”* [15].

Ba là, quan hệ giữa chồng và vợ: Trên tinh thần nam nữ bình đẳng, đạo Phật đã phá vỡ quan niệm phong kiến lỗi thời “*Chồng chúa vợ tôi*”. Đồng thời xây dựng một giá trị xã hội tiến bộ hơn trong hạnh phúc hôn nhân. Đức Phật dạy vợ chồng không những phải thương yêu chung thủy lẫn nhau mà còn phải biết tôn trọng giữ gìn lễ lẫn nhau nữa. “*Này gia chủ tử, có năm cách người chồng phải đối xử với vợ như phương Tây: Kính trọng vợ, không bất kính đối với vợ, trung thành với vợ, giao quyền hành cho vợ, sắm đồ nữ trang cho vợ*”[16]

Bên cạnh trách nhiệm của chồng đối với vợ, đức Phật còn dạy trách nhiệm của người vợ đối với chồng như sau: “*Này gia chủ tử, được chồng đối xử như phương Tây theo năm cách như vậy, người vợ có lòng thương tưởng chồng theo năm cách: Thi hành tốt đẹp bốn phận của mình; khéo tiếp đón bà con; trung thành với chồng; khéo giữ gìn tài sản của chồng; khéo léo và nhanh nhẹn làm mọi công việc*” [17].

Bốn là, quan hệ bạn bè với nhau: Trong kinh đức Phật đã từng nói đến bốn người bạn chân thành: “*Này gia chủ tử, bốn loại bạn này phải được xem là bạn chân thật: Người bạn giúp đỡ phải được xem là bạn chân thật; người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là bạn chân thật; người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là bạn chân thật; người bạn có lòng thương tưởng phải được xem là bạn chân thật*”[18].

Đức Phật đề cập đến năm nguyên tắc đối xử với bạn bè như sau: “*Này gia chủ tử có năm cách vị thiện nam tử đối xử với bạn bè như phương Bắc: Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, không lường gạt. Này gia chủ tử, được vị thiện nam tử đối xử như phương Bắc theo năm cách như vậy, bạn bè có lòng thương kính vị thiện nam tử theo năm cách: Che chở nếu vị thiện nam tử phóng túng; bảo trì tài sản của vị thiện nam tử nếu vị này phóng túng; trở thành chỗ nương tựa khi vị thiện nam tử gặp nguy hiểm; không tránh xa khi vị thiện nam tử gặp khó khăn; kính trọng gia đình của vị thiện nam tử*” [19] .

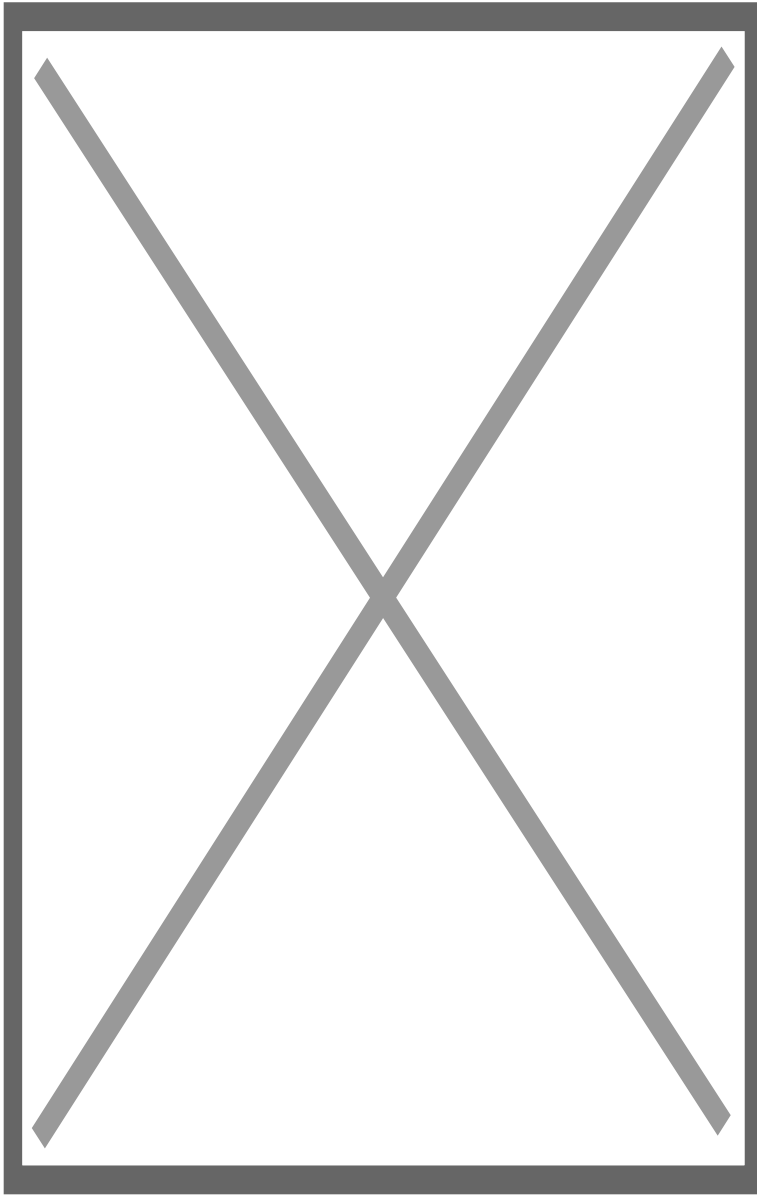
Năm là, quan hệ giữa chủ và người giúp việc: Trong xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ đã từng tồn tại một chế độ phân biệt đẳng cấp khắc nghiệt: Bà la môn, Vua quan, Bình dân, Tiện dân. Giai cấp tiện dân như là công cụ lao động biết nói, suốt đời phải hầu hạ và phục vụ cấp trên, họ đảm nhận tất cả các công việc nặng nhất của xã hội. Sự xuất hiện của đức Phật là tiếng nói đầu tiên về tinh thần từ bi bình đẳng, xóa đi chế độ phân biệt đẳng cấp, góp phần làm mọi người đến gần với nhau hơn, lấy tình người mà đối đãi với nhau. Ngài nói “*Tất cả con người đều có dòng máu cùng đỏ và giọt nước mắt cùng mặn như nhau*”. Đức Phật đã dạy cách sống có tình người như sau: “*Này gia chủ tử, có năm cách một vị Thánh chủ nhân đối xử với hạ nô bộc như phương Dưới: giao việc đúng theo sức của*

họ; lo cho họ ăn uống và tiền lương; điều trị cho họ khi bệnh hoạn; chia sẻ các mỹ vị đặc biệt cho họ; thỉnh thoảng cho họ nghỉ phép” [20].

Nguyên tắc thực hiện đạo đức Phật giáo yêu cầu: Giới – Định – Tuệ phải đi liền với nhau, đó là điều kiện tiên quyết để diệt dục, hết vọng tưởng, hết ngã chấp, đoạn tuyệt vô minh và đạt giác ngộ. Giải thoát chính là con đường tu dưỡng đạo đức, giữ giới nhiều thì giải thoát nhiều, giữ giới ít thì giải thoát ít (Giới: luân lý, đạo đức, cách cư xử, tư cách đạo đức, làm lành, lánh ác, từ bi, hỷ, xả...). Quy tắc đạo đức Phật giáo được thể hiện trong giới luật, quy định nguyên tắc ứng xử của các tín đồ, các cư sĩ và thế tục (giới luật cho hàng xuất gia gồm 250 giới cho nam – (tăng) và 348 giới cho nữ – (ni) về cuộc sống tăng đoàn). Đây là những quy phạm đạo đức giúp cho cư sĩ xuất gia vượt qua những giá trị đạo đức thông thường trong xã hội để đạt đến sự lìa bỏ ngã chấp. Giới luật chung cho cả cư sĩ và thế tục là đạo đức nhân gian, tức từ, bi, hỷ, xả, v.v... nhằm đạt tới cuộc sống hòa vui, tránh tạo nghiệp ác, tích lũy nghiệp thiện.

Có thể nói rằng, đạo đức Phật giáo là một hệ đạo đức xuất thế, giá trị đạo đức Phật giáo thiên về nội tâm, phản tỉnh hơn là xử lý các quan hệ bề ngoài cho nên Phật giáo phát huy tối đa tính tự chủ cá nhân trong việc thực hành các quy tắc đạo đức. Sự phán xét của đạo đức là nghiệp báo, nghiệp quả, nó điều chỉnh đạo đức của mỗi người theo quy luật nhân - quả tự tại. Điều đặc biệt hơn, Phật giáo là tôn giáo có khuynh hướng vô thần, không thừa nhận sự sáng tạo của một đấng siêu nhiên nào, mọi giá trị luân lý, đạo đức đều diễn ra trong thế giới nhân sinh chứ không phải do một thế lực nào chi phối. Đây là điểm ưu trội của Phật giáo so với các tôn giáo khác.

Phật giáo với các chuẩn tắc đạo đức nhân văn cao cả về đời sống con người có vai trò không nhỏ trong đời sống xã hội với vô số những quan hệ ngang bằng và trên dưới. Đặc biệt trong xã hội ngày nay, khi nền kinh tế thị trường phát triển với những đặc tính của nó đã làm cho không ít người cuốn lao theo vòng xoáy của đồng tiền mà lãng quên đi các quy tắc xử sự đạo đức thì Phật giáo với những khung chuẩn giá trị đạo đức của mình có thể được xem như là một chiếc gương trong sáng về giá trị nhân sinh để mỗi người soi mình vào đó và nhận chân được giá trị đích thực trong quảng đời vô cùng ngắn ngủi của mình trong thế giới này.



1.2.2. Đặc điểm đạo đức Phật giáo.

Một là, đạo đức Phật giáo luôn thể hiện sự kiên trì niềm tin đạt đến sự giác ngộ: Đạo Phật ra đời trong một xã hội có sự phân chia đẳng cấp vô cùng nghiệt ngã. Con người bị khinh rẻ, xem thường. Tuy nhiên, đạo đức Phật giáo tin rằng con người có thể thay đổi số phận của mình bằng các việc thiện lành của mình, có thể thay đổi hoàn cảnh để đạt đến sự giác ngộ, giải thoát. Muốn thoát khổ thì đòi hỏi những tín đồ theo tôn giáo không chỉ có niềm tin tôn giáo mà còn phải nỗ lực thực hành một đời sống đạo đức theo giới luật và các chuẩn mực đạo đức của xã hội như: Ngũ giới, thập thiện v.v...

Hai là, đạo đức Phật giáo luôn thể hiện sự gắn kết với đạo đức xã hội. Tư tưởng làm lành lánh dữ, thương yêu con người: vốn là một tôn giáo có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của con người Việt Nam, đạo đức Phật giáo có nét tương đồng với các giá trị văn hóa, đạo đức của con người Việt Nam. Tư tưởng

làm lành lánh dữ, thương yêu con người không chỉ đơn thuần là của đạo đức Phật giáo, mà nó còn là phương châm sống của người Việt Nam. Đạo đức Phật giáo khuyên con người làm điều thiện, tránh xa những điều ác, vì người quên mình, dấn thân phụng sự nhân sinh, hướng đến xây dựng một xã hội nhân ái, hòa bình.

Đạo đức gia đình: hiếu thuận, dân chủ và bình đẳng: Đạo đức Phật giáo đặc biệt đề cao lòng hiếu thuận: *“Thiên kinh vạn quyển, hiếu nghĩa vi tiên”*. Trong Kinh Thiện Sinh, Đức Phật cũng nói rõ về những nguyên tắc ứng xử mang tính dân chủ, bình đẳng trong các mối quan hệ gia đình. Có thể nói những nguyên tắc ứng xử này không chỉ đơn thuần là của đạo đức Phật giáo, mà nó còn là những nguyên tắc ứng xử rất đời thường trong đạo đức gia đình Việt Nam hiện nay.

Ba là, đạo đức Phật giáo luôn thể hiện tinh thần hướng nội, khoan dung, vị tha, gần gũi với quần chúng: xuất phát từ tinh thần từ bi hỷ xả, vô ngã vị tha, tôn trọng con người, tôn trọng sự khác biệt, đề cao tính nhân nhĩn, cảm hóa và tha thứ. Chính vì vậy mà đạo đức Phật giáo gần gũi với quần chúng, xóa bỏ sự phân hóa giàu nghèo, tôn giáo giữa các quốc gia, dân tộc.

Bốn là, đạo đức Phật giáo đề cao tính thực hành, ứng dụng: mỗi tôn giáo đều đề cao tính thực hành, ứng dụng theo cách riêng của mình, phù hợp với giáo lý của mình. Chẳng hạn, Kitô giáo thường chú trọng đến tình yêu bác ái, đại đồng. Trong khi đó thì Islam giáo (Hồi giáo) đặc biệt quan tâm đến tình *“thân ái”* trong ứng xử giữa các mối quan hệ cha mẹ và con cái, nhất là trong quan hệ vợ chồng. Đối với Phật giáo, thì lấy tinh thần từ bi cứu khổ làm nền tảng, khuyên con người tu tâm, hành thiện qua con đường Bát chính đạo xây dựng các mối quan hệ xã hội trên nền tảng sáu pháp lục hòa.

Năm là, tính mâu thuẫn của tư tưởng đạo đức Phật giáo: Trong triết lý đạo đức Phật giáo, tuy chứa đựng nhiều điểm hợp lý, nhất là những nội dung liên quan đến hệ thống quan hệ xã hội, gia đình, song trên thực tế, Phật giáo ít bàn đến vận mệnh quốc gia, những yếu tố gắn với độc lập, chủ quyền dân tộc. Sau cùng, tính mâu thuẫn trong một số vấn đề của giáo lý và thực hành giáo lý. Tính mâu thuẫn này thể hiện khá rõ khi đề cập đến những điểm tích cực và hạn chế của đạo đức Phật giáo.

2. Sự Ảnh Hưởng Đạo Đức Phật Giáo Trong Xã Hội Việt Nam.

2.1. Mối quan hệ đạo đức Phật giáo và giá trị văn hóa đạo đức Việt Nam.

2.1.1. Giá trị của đạo đức Phật giáo.

Giá trị nhân văn của tư tưởng đạo đức Phật giáo.

Một là, đạo đức Phật giáo xem con người là trọng tâm, đề cao vai trò và vị trí con người: có thể nói giá trị lớn nhất trong đạo đức Phật giáo là đề cao vị trí và vai trò của con người, xác định “*con người là tâm điểm của xã hội loài người*”. Phật giáo khẳng định tất cả mọi người đều có “*Phật tính*”.

Hai là, đạo đức Phật giáo đề cao tinh thần phản tỉnh tự giác con người: Phật giáo thiên về nội tâm, phản tỉnh hơn là xử lý các quan hệ bề ngoài. Cho nên Phật giáo phát huy tối đa tính tự chủ cá nhân trong việc thực hành các quy tắc đạo đức.

Ba là, đạo đức Phật giáo đề cao việc rèn luyện trí tuệ và giải thoát con người: mục tiêu tối hậu của đạo đức Phật giáo chính là giải thoát, là chấm dứt hết mọi khổ đau xuất phát từ “*vô minh*”. Trong Bát chính đạo mà Ngài đã dạy thì Chính kiến là đứng đầu tiên. Điều này nói đến yếu tố trí tuệ là kim chỉ nam cho sự giải thoát.

Giá trị thực tiễn của tư tưởng đạo đức Phật giáo.

Một là, đạo đức Phật giáo góp phần giáo dục, xây dựng và hoàn thiện con người về đạo đức: con người mà Phật giáo hướng đến là con người thiện, làm lành lánh dữ, con người vô ngã vị tha, sẵn sàng vì người mà quên mình, con người của lòng nhân ái, bao dung.

Hai là, đạo đức Phật giáo góp phần củng cố, bù đắp các thiếu hụt trong đời sống tinh thần và xây dựng một xã hội nhân ái, vị tha, hòa bình, giúp con người an lạc thân tâm và sống thanh thản khi hiểu được các giá trị cuộc sống mà đạo đức Phật giáo đem lại.

Giá trị tâm linh trải nghiệm của tư tưởng đạo đức Phật giáo: Đạo đức Phật giáo lấy tiêu chí xóa vô minh, diệt dục vọng, tham ái con người làm hệ quy chiếu hướng đến. Do đó ít chú trọng đến các mối quan hệ xã hội bên ngoài, mà đề cao việc tu luyện đạo đức theo giới luật (sila) và tu luyện tri thức (jāna), trí tuệ bằng “*thực nghiệm tâm linh*” thông qua con đường hành trì Tam vô lậu học.

Giá trị bền vững bởi chính tín của tư tưởng đạo đức Phật giáo: Giá trị bền vững bởi chính tín của đạo đức Phật giáo được thể hiện ở tính hình thức của nghi lễ

tâm linh, niềm tin tuyệt đối vào con đường giác ngộ mà đức Phật đã khai sáng. Chính niềm tin vững chắc đó là động lực giúp con người vượt qua nhiều khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

Giá trị chuẩn mực được quy định bởi giới luật của tư tưởng đạo đức Phật giáo: Đảng ta thường nói: *“Sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật”*. Hiến pháp và Pháp luật ở đây chính là thể hiện tính chuẩn mực của đạo đức xã hội. Một xã hội muốn phát triển và ổn định thì mọi người trong xã hội đó phải tuân thủ tính chuẩn mực đó. Cũng thế, giới luật của Phật giáo cũng mang tính chuẩn mực, đòi hỏi người tu theo Phật không thể không hành trì. Trong các giới điều kể trên thì ngũ giới và thập thiện được xem là chuẩn mực đạo đức căn bản của đạo đức Phật giáo.

2.1.2. Mối quan hệ giữa tư tưởng đạo đức Phật giáo và giá trị văn hóa đạo đức Việt Nam.

Một là, tính nhân văn, nhân bản, lấy con người làm trung tâm. Đạo Phật luôn đề cao vị trí và vai trò của con người. Đức Phật nói: *“Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành”*. Các tư tưởng đạo đức Phật giáo không chỉ ảnh hưởng tích cực đối với nền đạo đức truyền thống của dân tộc mà nó còn có những bộ phận phù hợp với nền đạo đức xã hội chủ nghĩa hiện nay. Chẳng hạn như tính hướng thiện của Phật giáo là một trong những nguồn gốc của chủ nghĩa nhân đạo, tư tưởng bình đẳng, hòa bình của Phật giáo phù hợp với xu hướng hòa đồng liên kết giữa các dân tộc trên thế giới trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, lòng từ bi, bác ái góp phần cứu giúp người hoạn nạn, giữ vững tinh thần lá lành đùm lá rách của dân tộc, triết lý vô thường, vô ngã giúp con người giảm bớt cái tôi vị kỷ, phát triển tâm vị tha yêu thương con người. Đạo đức Phật giáo khuyên con người luôn nhớ đến *“đạo hiếu”*, lấy chữ hiếu làm đầu: *“hạnh hiếu là hạnh Phật, tâm hiếu là tâm Phật”*, muôn việc ở thế gian không gì hơn công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ. Điều này cũng rất phù hợp với đạo lý uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây của dân tộc.

Hai là, tôn trọng lợi ích và nhân phẩm của người khác. Tinh thần này được thể hiện qua *“Ngũ giới”*: **không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu** của đức Phật nhằm thiết lập trật tự, an vui, hòa bình cho gia đình, xã hội và quốc gia. Trong xã hội ta hiện nay luôn coi trọng sự sống, môi trường sống, xã hội không còn trộm cắp, hạnh phúc gia đình, chung thủy với nhau, không lừa dối để tạo niềm tin cho nhau, và không rơi vào nghiện ngập, hút chích các loại ma túy ... Ngũ giới của nhà Phật rất phù hợp với chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong tình hình mới, giúp cho xã hội ổn định, giảm bớt các tệ nạn xã hội, các giá trị đạo đức truyền thống được phát

huy.

Ba là, hướng đến một nền hòa bình cho quốc gia và thế giới. Đạo đức Phật giáo với tư tưởng từ bi hỷ xả, vô ngã vị tha, luôn đề cao và tôn trọng sự sống của mọi người mọi loài. Vì vậy đạo Phật luôn hướng đến sự an lành và hòa bình cho quốc gia và thế giới, phản đối các cuộc chiến tranh xâm lược, phản đối việc sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt, kêu gọi phóng sinh, bảo vệ môi trường sống. Điều này có điểm tương đồng và phù hợp với truyền thống yêu chuộng hòa bình của dân tộc.

Sự hiện diện của đạo đức Phật giáo trong đạo đức truyền thống Việt Nam.

Một là, từ khi du nhập vào Việt Nam, đạo Phật đã được con người Việt Nam kết nối hòa quyện với các tín ngưỡng truyền thống của mình như thờ Tứ Phủ: mây, mưa, sấm, chớp, Tứ Pháp: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện ở Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh hiện nay). Điều này thể hiện sự dung hợp cao giữa Phật giáo với các tín ngưỡng bản địa trước đó của con người Việt Nam. Vì vậy Ca dao Việt Nam có câu:

“Mái chùa che chở hồn dân tộc

Nếp sống muôn đời của tổ tông”.

Hai là, hình ảnh ngôi chùa đã trở nên thân thuộc với dân tộc ta. Trong chiến tranh, ngôi chùa là nơi bảo bọc và che chở cho các chiến sĩ bộ đội cụ Hồ. Trong thời bình thì ngôi chùa cũng là nơi truyền bá chân lý đạo đức Phật giáo, là điểm tựa tinh thần đáng tin cậy cho người Việt Nam ta. Đời sống tinh thần, phong tục tập quán của người Việt Nam cũng bị ảnh hưởng bởi tư tưởng Đức Phật. Chẳng hạn như: hiền như Bụt, từ bi như Bồ Tát, ác giả ác báo, thiện giả thiện báo, hay ca dao có câu: ai ơi ăn ở hiền lành; kiếp này không hưởng để dành kiếp sau v.v...

Ba là, hầu hết các thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam cũng ít nhiều bị ảnh hưởng bởi tư tưởng đạo đức Phật giáo. Tư tưởng này đã ăn sâu vào máu thịt của người Việt Nam, làm cho các giá trị đạo đức của người Việt thêm bản sắc riêng và hoàn thiện hơn. Chính đạo đức Phật giáo giúp họ có thêm nghị lực trong việc định hướng lý tưởng sống, sống vị tha và biết yêu thương lẫn nhau, xem việc phụng sự và giúp đỡ mọi người là niềm vui của chính mình. Họ luôn tin tưởng tuyệt đối rằng: làm thiện sẽ được quả lành, làm ác sẽ bị quả xấu, những suy nghĩ, lời nói và việc làm của mình đều được sự giám sát của các vị thần hộ pháp. Khi gặp nạn, thì chắc chắn sẽ có đức Phật hay Bồ Tát ra tay cứu giúp.

Bốn là, Tư tưởng đạo đức Phật giáo “ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác”... đã ăn sâu vào nếp sống, nếp nghĩ của người Việt Nam. Đó cũng là bài học về đạo lý nhân quả mà các bậc làm cha mẹ giáo dục con cái. Người Việt Nam có khi không nghĩ đó là giáo lý đơn thuần của nhà Phật, mà nó còn là nhân sinh quan của đại đa số con người Việt, nhằm giáo dục tinh thần hướng thiện. Các quan niệm nhân quả, luân hồi, nghiệp báo của nhà Phật có nét tương đồng trong quan niệm về tâm linh của người Việt. Người Việt quan niệm về tâm linh rằng: sống vị tha, thương người, làm thiện, lánh ác thì chắc chắn sau khi chết linh hồn sẽ được tái sinh về cõi lành, và ngược lại thì đọa vào cõi ác.

Như vậy, đạo làm người của người Việt và đạo đức Phật giáo đã hòa quyện, bám rễ vào nhau. Những quan điểm về đạo đức của Phật giáo góp phần làm phong phú thêm cho nền đạo lý truyền thống dân tộc. Với giáo lý đạo đức, mang đậm chất nhân văn, Phật giáo đã để lại ảnh hưởng sâu sắc đến đạo đức, tâm lý, lối sống của người Việt Nam.

2.2. Ảnh của đạo đức Phật giáo đối với đời sống tinh thần người Việt Nam.

2.2.1. Những ảnh hưởng đạo đức đối với đời sống tinh thần Việt Nam.

Ảnh hưởng của đạo đức Phật giáo đến quan niệm, tư tưởng.

“Trong hơn hai ngàn năm hiện diện trên đất nước Việt Nam, đồng hành cùng dân tộc, Đạo Phật đã trở thành tôn giáo của dân tộc. Suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, trong sự nghiệp giải phóng dân tộc thống nhất đất nước, cũng như xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa ngày nay, Phật giáo Việt Nam luôn luôn là thành viên tin cậy và vững mạnh trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc” [21]. Đạo Phật đã ảnh hưởng đến quan niệm, tư tưởng của con người Việt Nam ở những khía cạnh như sau:

Một là, có nhiều vị quốc sư tham gia vào việc triều chính: như thiền sư Vạn Hạnh, thiền sư Mãn Giác v.v. Đạo Phật khi du nhập vào Việt Nam, đặc biệt là thời Lý - Trần (thế kỷ XI - XIII), Phật giáo đã ảnh hưởng tích cực đến quan niệm, tư tưởng của nhân dân. Các thiền học như Tuệ Trung Thượng Sĩ, Trần Nhân Tông ... đều là những người lập nhiều chiến công vẻ vang trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Các nhà sư dù tham gia vào việc triều chính nhưng sau khi đất nước hòa bình thì trở về chùa tu hành, sống thiểu dục tri túc, quy ẩn và sẵn sàng nhập thế bằng những việc thiện sự của mình.

Hai là, tinh thần dân thân, hy sinh vì Tổ Quốc, khi thực dân Pháp bắt đầu xâm lược Gia Định, thực hiện chính sách đàn áp Phật giáo, thì xuất hiện phong trào

Chấn hưng Phật giáo vào những năm 30 của thế kỷ XX. Đã có nhiều Tăng Ni hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Pháp, và đến chế độ đế quốc Mỹ xâm lược, cuộc chiến tranh bất bạo động của Phật giáo điển hình là Bồ Tát Thích Quảng Đức tự thiêu thân để phản đối chính sách đàn áp Phật giáo của đế quốc Mỹ vào ngày 11/06/1963 tại ngã tư đường Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng (nay là đường Cách Mạng Tháng Tám - Nguyễn Đình Chiểu).

Ba là, tinh thần yêu nước, yêu hòa bình của Tăng Ni, Phật tử nhân dân Việt Nam còn được thể hiện ở phong trào chống Mỹ cứu nước. Điều này cho thấy chính tinh thần trí tuệ, đại hùng, đại lực, đại từ bi của đạo Phật mà các thế hệ Tăng Ni Phật tử luôn tỉnh giác trước kẻ thù. Đạo Phật là đạo Từ bi, nhưng Từ bi phải có Trí tuệ. Dân tộc Việt yêu hòa bình, độc lập, giàu lòng nhân ái. Tuy nhiên không phải giàu lòng nhân ái mà để bị mất nước, luôn sẵn sàng đứng lên bảo vệ độc lập, chủ quyền dân tộc khi Tổ Quốc lâm nguy.

Bốn là, tinh thần nhập thế qua các hoạt động thiện sự, ích nước, lợi dân, bảo vệ môi trường, như: trao nhà tình thương, xây cầu, trồng cây xanh, cứu trợ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt v.v. Theo điều tra xã hội học năm 2019 thì mức độ tham gia hoạt động từ thiện của Phật giáo được đánh giá là thường xuyên, chiếm 63.1% (Phụ lục 2, câu 18). Với những đóng góp to lớn của Phật giáo trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc, đạo Phật đã trở thành tôn giáo lớn của dân tộc, tạo được niềm tin và bám rễ trong lòng dân tộc. Những tư tưởng, quan điểm về lòng yêu nước, thương người, vô ngã, vị tha của dân tộc cũng chính là của Phật giáo.

Năm là, giáo dục đạo lý uống nước nhớ nguồn cho con người thông qua Lễ Phật Đản, Lễ Vu Lan - Báo Hiếu. Trong Lễ Phật Đản thì tưởng nhớ đến cuộc đời đạo đức của đức Phật, thông qua đó nêu lên thông điệp yêu chuộng hòa bình và lòng nhân ái, kêu gọi mọi người sống thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Đó chính là Phật pháp tại thế gian. Trong Lễ Vu Lan - Báo Hiếu thì thể hiện truyền thống đạo lý hiếu thảo của các thế hệ con cháu đối với ông bà cha mẹ của mình. Thông qua đó giáo dục tinh thần hiếu hạnh của con người, xây dựng gia đình mẫu mực, con cháu thảo hiền, góp phần xây dựng đời sống đạo đức trong gia đình và xã hội.

Ảnh hưởng của đạo đức Phật giáo đến đạo đức, lối sống

Một là, người Việt trọng tình nghĩa, hiếu khách và phóng khoáng: người Việt Nam vốn xuất thân từ nền nông nghiệp trồng lúa nước, gặp nhiều thiên tai, lũ lụt trong công việc, nên người Việt luôn đùm bọc và che chở lẫn nhau. Từ đó hình thành khuynh hướng tư duy duy cảm, trọng nghĩa tình và hiếu khách. Nên người Việt thường có câu: *“bà con xa không bằng láng giềng gần”*, sống chân

tình và thật lòng với nhau.

Hai là, người Việt có lối sống chất phác, giản dị, tự do: vốn là người trọng tình nghĩa, nên người Việt rất là giản dị, chất phác trong suy nghĩ, lời nói và việc làm. Chính nét đẹp đó làm cho người Việt chân thành hơn và gần gũi hơn. Trong nhà Phật gọi là **“thiểu dục, tri túc”**, tức là ít muốn biết đủ, nhằm khuyên con người sống giản dị, gần gũi với tự nhiên hơn. Người Việt rất sợ làm người khác buồn, luôn sống tình cảm và hòa đồng với mọi người xung quanh.

Ba là, người Việt tin hết lòng, làm hết sức: niềm tin của người Việt rất lớn, một khi đã tin tưởng thì sẵn sàng làm hết mình vì người đó mà không hề nuối tiếc. Chính lối sống trọng tình nghĩa đã làm cho người Việt phát triển thêm tính nhiệt tình trong công việc, làm việc một cách tận tụy, nhiệt tình và sống hết lòng vì người khác. Nên ca dao Việt Nam có câu: *“thương người như thể thương thân”*. Điều này cũng ảnh hưởng từ tinh thần từ bi của đạo Phật. Đạo Phật lấy giá trị ban vui cứu khổ làm nền tảng.

Bốn là, người Việt có tính năng động, sáng tạo và thực tế rất cao: người Việt tuy đáng người nhỏ nhắn nhưng trí thông minh thì không hề bé xíu. Nhờ vậy mà trong các cuộc chiến tranh chống giặc, hầu hết ta đều giành chiến thắng. Người Việt biết thích nghi với hoàn cảnh, cho nên có thể thay đổi sách lược tác chiến tùy vào tình hình thực tế. Điều đó thể hiện tính năng động, sáng tạo trong ý thức của người Việt. Điều này cũng ảnh hưởng từ quan điểm vô thường, vô ngã của Phật giáo.

Ảnh hưởng của đạo đức Phật giáo đến phong tục, tập quán.

Là một tôn giáo của dân tộc, Phật giáo đã bám rễ vào đời sống con người Việt Nam. Những phong tục, tập quán của người Việt cũng ảnh hưởng rất lớn từ Phật giáo. Ở Việt Nam, có rất nhiều phong tục, tập quán mang màu sắc Phật giáo, điển hình như:

Tục ăn chay: đây là tục mà rất đông người Việt Nam chịu ảnh hưởng. Theo đạo Phật thì ăn chay xuất phát từ lòng từ bi, yêu thương mọi loài, nên không muốn làm tổn hại đến sinh mạng của động vật. Thông thường, người Việt Nam, cả Phật tử và không phải Phật tử cũng theo tục lệ này. Họ ăn chay mỗi tháng 2 ngày: ngày 15 và mùng 01, hoặc 4 ngày: mùng 01, 14, 15 và 30, hoặc 10 ngày: 01, 08, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29 và 30 hoặc ăn chay ba tháng: tháng giêng, tháng 07 và tháng 10 hay ăn chay trường.

Tục phóng sinh và bố thí: người Việt Nam không chỉ ăn chay hạn chế việc giết hại chúng sinh mà còn phóng sinh và bố thí để tăng trưởng lòng từ bi. Tục này

hiện nay rất thịnh hành. Cứ đến ngày rằm hay mừng 01, người Việt hay đi mua chim, cá, rùa đem về chùa chú nguyện rồi đi phóng sinh. Bên cạnh đó, người Việt Nam còn thích làm việc thiện nguyện, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn, nhất là khi gặp hoạn nạn, thiên tai, lũ lụt với tinh thần *“lá lành đùm lá rách”*.

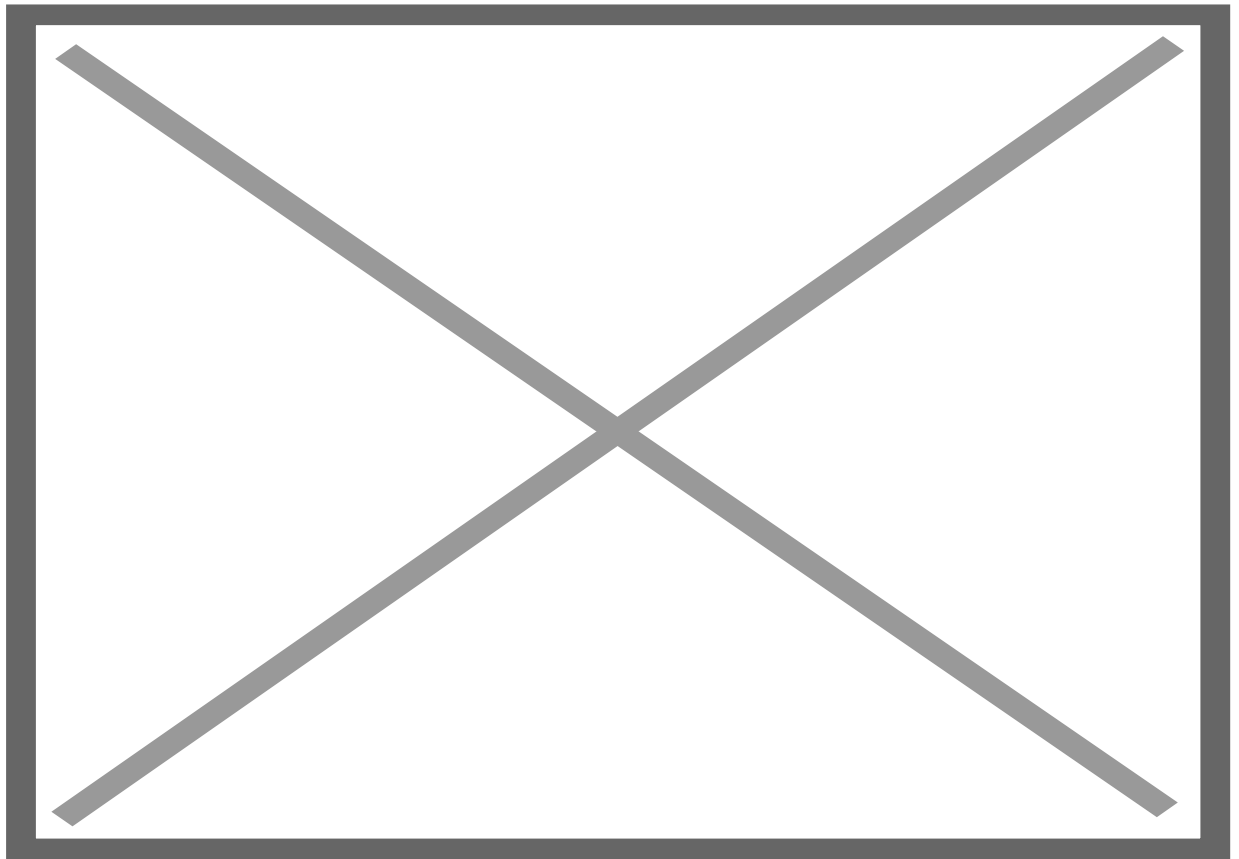
Tục cúng Rằm, mừng Một và lễ chùa đầu năm: Theo truyền thống người Việt Nam thì ngày Rằm và mừng Một là hai ngày sóc vọng, là ngày mà mặt trời và mặt trăng thông suốt nhau, thần thánh, tổ tiên có thể liên lạc được với con người. Do đó sự cầu nguyện sẽ đạt tới sự cảm ứng với các cõi giới khác và sự cảm thông giữa các cõi sẽ được thiết lập. Một đặc điểm nổi bật nữa trong phong tục của người Việt Nam là ngày “Tết”. Tết Nguyên Đán là tết cổ truyền của dân tộc, đồng thời cũng là tín ngưỡng, lễ hội đầu năm. Vào ngày này, mọi người thường hay đi chùa hái lộc đầu năm, cầu may mắn và cầu bình an trong một năm mới. Đi chùa đầu năm cũng là dịp để người Việt tự nhìn lại chính mình, tự hoàn thiện đạo đức của mình, để khởi đầu cho một năm tốt đẹp.

Tục đi chùa vào các ngày lễ lớn: bên cạnh tục cúng Rằm, mừng Một và lễ chùa đầu năm, người Việt Nam còn có tập tục đi chùa vào các ngày hội lớn như: Rằm tháng Giêng (Lễ Thượng Nguyên), Rằm tháng Tư (Lễ Phật Đản) và Rằm tháng Bảy (Lễ Vu Lan).

Tục ma chay: Đây là tục rất quen thuộc với người Việt Nam chúng ta. Khi trong gia đình (theo đạo Phật) có người qua đời, thân quyến đến chùa thỉnh chư Tăng về nhà làm lễ nên gọi là *“ma chay”* hay *“lễ tang”*. Bên cạnh đó, người dân Việt Nam thường có phong tục gửi cốt hay bài vị của người thân mình vào chùa khi qua đời. Họ tin rằng, với lời kinh, tiếng kệ mỗi ngày trì niệm của quý thầy thì hương linh sẽ được giải thoát. Cho nên ngoài việc thờ cúng những người đã mất ở nhà thì việc lên chùa cầu an, thắp hương cho những người đã mất là một phong tục được nhiều nơi áp dụng.

Tục cưới hỏi: người Việt không chỉ có tục ma chay mà còn quan tâm đến tục cưới hỏi. Trong đạo Phật tục cưới hỏi này gọi là Lễ Hằng Thuận. “Lễ Hằng Thuận được Hòa thượng Thích Đôn Hậu khởi xướng vào những thập niên đầu của thế kỷ XX. Mục đích chính của lễ Hằng Thuận là làm thế nào để cho đôi vợ chồng ý thức được tầm quan trọng của nền tảng đạo đức tâm linh trong đời sống gia đình. Những lời phát nguyện giữ gìn ngũ giới, tu hành thập thiện của đôi vợ chồng trước ngôi Tam Bảo, nhằm xây dựng một đời sống gia đình hạnh phúc bền vững, được xem là dấu ấn sinh động, vô cùng ý nghĩa trong ngày lễ cưới. Điều này không chỉ tác động mạnh mẽ đến đời sống tâm linh của họ trong những ngày chung sống bên nhau, mà còn ảnh hưởng tích cực đến những người

thân.



Ảnh hưởng của đạo đức Phật giáo đến văn hóa, nghệ thuật.

Khi du nhập vào Việt Nam, những giá trị văn hóa - nghệ thuật của Phật giáo đã giao thoa với các giá trị văn hóa khác, thay đổi và thích nghi với người dân. Từ đó những giá trị văn hóa - nghệ thuật của Phật giáo đã được người dân Việt đón nhận, giữ gìn, phát huy góp phần làm phong phú thêm cho nền văn hóa - nghệ thuật của dân tộc, đáp ứng và làm thỏa mãn nhu cầu tâm linh, giải trí, thẩm mỹ, thưởng thức nghệ thuật của đại bộ phận nhân dân. Đạo đức Phật giáo ảnh hưởng đến văn hóa - nghệ thuật của người Việt Nam rất lớn, điển hình ở những khía cạnh sau đây: Ảnh hưởng của Phật giáo đến sân khấu cải lương, nhạc kịch và văn học; Ảnh hưởng của Phật giáo qua ca dao, tục ngữ và thơ ca; Ảnh hưởng của Phật giáo đến nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc.

Tóm lại, Phật giáo có ảnh hưởng sâu sắc đến văn hóa - nghệ thuật của người Việt Nam. Nó được thể hiện thông qua các loại hình nghệ thuật sân khấu cải lương, nhạc kịch, văn học, ca dao, tục ngữ, thơ ca, nghệ thuật tạo hình kiến trúc và điêu khắc. Những giá trị văn hóa - nghệ thuật này góp phần làm thỏa mãn nhu cầu thưởng thức, sáng tạo, vui chơi, giải trí của người Việt Nam. Nó không chỉ đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của nhân dân mà còn góp phần làm phong phú hơn cho nền văn hóa - nghệ thuật của dân tộc.

Ảnh hưởng của đạo đức Phật giáo trong quan hệ ứng xử giao tiếp được thể hiện:

Một là, ứng xử, giao tiếp trong gia đình. Phật giáo đề cao sự hòa thuận và trách nhiệm của các bậc cha mẹ, con cái, anh em, vợ chồng... đề cao sự hiếu thuận với cha mẹ thông qua thực hiện Tứ ân (ân cha mẹ, ân quốc gia, ân thầy cô, ân đàn na tín thí). Điều này được thể hiện rất nhiều trong ca dao, tục ngữ Việt Nam nói về công ơn cha mẹ:

“Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

Một lòng thờ mẹ, kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”

Mặt khác, hiếu thuận còn được thể hiện ở chỗ giữ hòa khí trong gia đình, lo việc tang lễ khi cha mẹ qua đời. Cho nên vào ngày Lễ Vu Lan rằm tháng bảy, hầu như mọi người Việt Nam yêu mến đạo Phật đều thực hiện nghi thức cúng rằm lễ Phật để cầu nguyện cho cha mẹ sống đời với con. *“Mỗi đêm con thắp đèn trời, Cầu cho cha mẹ sống đời với con”*.

Hai là, lối ứng xử, giao tiếp của người Việt Nam chịu ảnh hưởng của Phật giáo thông qua việc tiếp xúc chân tình hàng ngày giữa mọi người với nhau. Đối với người dân ở nông thôn, mọi người thường chia sẻ kinh nghiệm làm nông, truyền cho nhau những bí quyết thành công thông qua việc ngồi uống trà, ăn cơm chung với nhau. Trong tinh thần *“tương thân tương ái”*, *“tình làng nghĩa xóm”*, con người Việt Nam đã gắn bó và giúp đỡ lẫn nhau trong những lúc hoạn nạn, thiên tai, lũ lụt, không chỉ trong nước mà còn giúp đỡ bạn bè quốc tế.

Ba là, lối ứng xử, giao tiếp của người Việt Nam không chỉ chịu ảnh hưởng bởi giáo lý mà còn ở nhân cách, nếp sống của những người tu trì Phật giáo mà còn được thể hiện thông qua ứng xử của con người với môi trường tự nhiên. Thực tế cho thấy môi trường sinh thái hiện nay đang bị ô nhiễm nghiêm trọng. Cùng với thế giới, Việt Nam đã xây dựng và ban hành chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020: *“Phát triển kinh tế - xã hội phải coi trọng bảo vệ môi trường và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu”*. Vấn đề bảo vệ môi trường cũng được đức Phật thể hiện qua cuộc đời của ngài. Đức Phật đản sinh dưới cây Vô Ưu, thành đạo dưới cây Bồ Đề, chuyển pháp luân tại vườn Lộc Uyển và nhập Niết Bàn dưới cây Sala.

Tóm lại, Với giáo lý nêu cao tình yêu thương, giàu lòng từ bi, vô ngã vị tha, đạo Phật đã trở thành một tôn giáo của dân tộc và đã ảnh hưởng đến hầu hết các lãnh vực của đời sống tinh thần con người Việt Nam từ quan niệm, tư tưởng; đạo đức, lối sống; phong tục, tập quán; đến các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật và phong cách ứng xử, giao tiếp không chỉ trong gia đình, xã hội mà còn ở việc bảo vệ môi trường tự nhiên. Tuy nhiên, bên cạnh những ảnh hưởng tích cực của đạo đức Phật giáo đến đời sống đạo đức con người Việt Nam thì nó cũng không sao tránh khỏi những mặt hạn chế nhất định ảnh hưởng đến tư tưởng, cách tư duy và lối sống, cách ứng xử. Có thể nói, dù còn những hạn chế nhất định, nhưng những giá trị cao quý mà đạo đức Phật giáo đóng góp cho dân tộc và đất nước thì thể nào phủ nhận được.

2.2.2. Những đóng góp của Phật giáo trong xã hội hiện nay.

Một là, đề cao giá trị con người, hướng thiện, xây dựng xã hội an bình. Thực tế lịch sử Phật giáo Việt Nam đều khẳng định vị trí tối cao của con người. Thiền sư Vạn Hạnh từng nói: *“Nhậm vận thịnh suy vô bố úy. Thịnh suy như lộ thảo đầu phô”* (Khéo léo vận dụng quy luật thịnh suy thì không còn sợ hãi, thịnh suy mong manh như hạt sương trên đầu ngọn cỏ)(1). Trước khi nhập Niết bàn, Phật đã từng khuyên học trò phải dựa vào bản thân mình, lấy mình làm ngọn đèn, tự thắp đuốc lên mà đi. Nhìn lại, lịch sử Phật giáo Việt Nam, Trần Thái Tông - nhà Phật học lỗi lạc đã khẳng định bản chất con người là thánh thiện, mỗi người nếu biết dụng tâm tu tập đều có thể làm cho Phật tính hiển lộ, tức là thành Phật ngay giữa cuộc đời. Tuy đề cao trí tuệ thực nghiệm (sống, thực hành), nhưng đạo Phật không xem nhẹ trí tuệ học hỏi và trí tuệ tư duy, mà sách Phật thường gọi là văn tuệ (học hỏi mà biết) và tư tuệ (tư duy mà biết).

Việc Phật giáo luôn đề cao khả năng tư duy độc lập của con người, chính là nhằm hướng mỗi người biết tự chọn cho mình phương châm hành động đúng lẽ phải, phân biệt chính/tà, thiện/ác, biết cần phải làm gì trong cuộc sống vốn đầy biến động, xây dựng một xã hội an bình.

Có thể nói, trí tuệ của Phật giáo là khuyến khích chính sách, biết tự khai thác năng lực nội sinh của mình để nỗ lực vươn lên, xây dựng hướng đi cho bản thân trong hoạt động thực tiễn. Bởi, nếu không có lý trí, không có khả năng tư duy *“tùy biến”*, con người sẽ bất lực và dễ dàng gục ngã trước những tác động phức tạp, biến động của cuộc sống, nhất là trong thời kỳ hội nhập. Phật giáo biện tâm và hướng nội giúp con người có được nội tâm yên bình, trong sáng để duy trì cuộc sống bình ổn, hòa đồng và có trách nhiệm trong xã hội hiện đại. Hướng nội là để cân bằng với hướng ngoại. Vì vậy, tâm lý học Phật giáo góp phần điều chỉnh tình trạng mất cân bằng của con người hiện đại. Những xu thế hướng nội

của Phật giáo Việt Nam còn có một cội rễ sâu xa: đúng/sai và chân lý không phải do khách quan đưa lại, mà là xuất phát từ bên trong mỗi người.

Hai là, duy trì, phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, hòa đồng với cộng đồng. Là một trong những hệ tư tưởng điển hình trong nền văn hóa dân tộc Việt Nam, tinh thần Phật giáo in đậm, tạo nên một sắc thái riêng trong các lĩnh vực văn hóa dân gian, văn học nghệ thuật, văn hóa ứng xử, văn hóa giao tiếp, văn hóa ẩm thực, văn hóa kinh doanh... Hầu hết các hoạt động Phật sự đều xuất phát từ lợi ích dân tộc, Tổ quốc và cuộc sống nhân sinh. Lịch sử đã chứng minh, Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc, góp phần vào chấn hưng đất nước, an sinh, đấu tranh vì hòa bình thịnh vượng...

Thông qua những hoạt động mang tính xã hội, cùng với nhiều tôn giáo khác, Phật giáo Việt Nam đã thể hiện sâu sắc tinh thần nhân văn, hướng thiện, tăng cường kết nối tình đoàn kết giữa Đạo với Đời, giữa các tầng lớp nhân dân, góp phần giáo dục, phát huy tinh thần cộng đồng, phát huy sức mạnh tập thể theo truyền thống của người Việt.

Trong xã hội hiện đại, khi những xung đột sắc tộc, tôn giáo diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới thì triết lý và thực hành mô hình cộng đồng sống hòa hợp, đoàn kết của Phật giáo Việt Nam được coi là điển hình, vì điều đó mong muốn và hướng con người tới cuộc sống tốt đẹp, yêu thương, gắn bó, chung sống hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển.

Lấy đạo đức, trí tuệ làm cốt lõi cho sự tồn tại và phát triển nên Phật giáo là đạo của sự giác ngộ, giác ngộ để giải thoát khỏi tham lam, thù hận. Suy ra, nếu mỗi con người nhận thức đúng đắn (tức là giá ngộ) về tự nhiên và xã hội, hiểu rõ quan hệ của cá nhân trong cộng đồng và ảnh hưởng của xã hội tới cá nhân, thì sẽ có hành động và ứng xử đúng mực, hài hòa giữa (con người và tự nhiên, cá nhân và cộng đồng), biết sống hòa đồng và tăng cường hỗ trợ lẫn nhau...

Ba là, giáo dục, phát huy truyền thống yêu nước. Lịch sử xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho thấy, khi đất nước hưng thịnh thì Phật giáo phát triển; cùng với nền độc lập, tự do của dân tộc, trong nhiều năm qua, Phật giáo đã tích cực góp phần cùng toàn dân tham gia xây dựng cuộc sống thông qua giáo dục tín đồ, Phật tử phát huy truyền thống yêu nước, trau dồi đạo đức, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Lịch sử Phật giáo Việt Nam cũng đã chứng minh những đóng góp quan trọng vào công cuộc dựng nước, giữ nước và bảo vệ Tổ quốc của Phật giáo. Qua nhiều triều đại phong kiến, nhiều vua/quan là Phật tử đã vận dụng những tinh hoa trong tư tưởng, triết lý của đạo Phật phục vụ cho công cuộc chấn hưng đất

nước. Cùng với tinh thần tự chủ, độc lập, anh dũng của dân tộc, các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần đã khẳng định tinh thần gắn liền đạo pháp với dân tộc của Phật giáo. Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết đã phát biểu nhấn mạnh:

“...Ngay từ buổi đầu tiên, với tư tưởng từ bi, hỉ xả, Phật giáo đã được nhân dân Việt Nam đón nhận, luôn đồng hành cùng dân tộc với phương châm nhập thế, gắn bó giữa Đạo và Đời, phấn đấu vì hạnh phúc và an vui cho con người. Trong các thời đại, thời nào lịch sử Việt Nam cũng ghi nhận những nhà sư đại đức, đại trí đứng ra giúp đời hộ quốc an dân. Đặc biệt, lịch sử Việt Nam mãi ghi nhớ công lao của vị vua anh minh Trần Nhân Tông có công lớn lãnh đạo nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Khi đất nước thái bình, Người nhường ngôi, từ bỏ giàu sang, quyền quý, tìm nơi non cao Yên Tử để học Phật, tu hành, sáng lập nên Thiền phái Trúc Lâm – một dòng thiền riêng của Việt Nam tồn tại mãi tới ngày nay” [22].

Trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm ở thế kỷ XX của dân tộc, nhiều Phật tử đã tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh vì lẽ phải, vì độc lập tự do của Tổ quốc. Phật giáo đã góp phần đồng hành cùng dân tộc trong các cuộc trường chinh cứu nước, giữ nước; góp phần giáo dục và phát huy truyền thống yêu nước trong mỗi tín đồ Phật tử cũng như các thế hệ con dân nước Việt.

Bốn là, chung tay xây dựng, phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Trên nhiều góc độ, bình diện, trí tuệ Phật giáo đã thể hiện rất rõ tác dụng, trong việc góp phần cùng với các tổ chức xã hội và nhân dân thực hiện ngày càng tốt hơn những chủ trương, quyết sách của Đảng, Nhà nước, đặc biệt là công tác nhân đạo, từ thiện, hạn chế những tiêu cực, mặt trái trong xã hội hiện đại... Thể hiện qua hoạt động truyền bá và tôn vinh những giá trị tốt đẹp của nền văn hóa truyền thống dân tộc với nhiều hình thức giáo dục đa dạng; khơi lên những giá trị tích cực trong văn hóa tâm linh; giác ngộ lòng từ bi, hướng thiện trong tâm hồn con người...

Mặc dù cũng còn những hạn chế nhất định trong phương châm hành động và triết lý duy tâm, nhưng Phật giáo đã và đang có những đóng góp quan trọng cùng với những tôn giáo khác vào quá trình phát triển của xã hội và đất nước. Nhất là trong bối cảnh hiện nay, đất nước ta đang có những bước tiến mạnh mẽ vào quá trình hội nhập và phát triển và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; bên cạnh những kết quả tích cực, nền kinh tế thị trường với những mặt trái của nó đã và đang đưa đến nhiều hệ lụy, trong đó có những hệ lụy về mặt tinh thần.

Để thúc đẩy sự phát triển của công cuộc đổi mới, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm khai thác, phát huy, xây dựng các nguồn lực phục vụ cho quá trình phát triển đất nước. Trong đó, có những chính sách đúng đắn về tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng, coi đây là một trong những nhân

tố quan trọng để việc giải quyết các vấn đề xã hội, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong tiến trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của đất nước hiện nay.

C. KẾT LUẬN

Phật giáo với tư cách là một tôn giáo, một hiện tượng tinh thần sẽ còn tồn tại lâu dài ở Việt Nam, đã và đang có ảnh hưởng rất lớn đến lối sống của người Việt Nam trên cả hai mặt tích cực và tiêu cực. Những phương diện của lối sống chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi các triết lý của Phật giáo như: Cách thức lao động sản xuất và tổ chức cuộc sống; phong tục tập quán; phương thức ứng xử và triết lý sống của người Việt.

Đạo đức Phật giáo là một trong những học thuyết triết học – tôn giáo lớn trên thế giới với hệ thống giáo lý đồ sộ và số lượng phật tử đông đảo được phân bố rộng khắp ở nhiều nước trên thế giới. Trong quá trình phát triển của mình, Phật giáo đã thâm nhập vào đời sống các dân tộc khác và tìm được cho mình chỗ đứng nhất định trong đời sống tinh thần của các dân tộc. Khi vào Việt Nam, đạo đức Phật giáo đã hội nhập với văn hóa, tín ngưỡng Việt Nam để tìm phương thức bén rễ lâu dài trên mảnh đất này. Thế giới quan và nhân sinh quan Phật giáo nói chung và đạo đức Phật giáo nói riêng là một hệ thống những triết lý sâu sắc, độc đáo và hấp dẫn con người qua bao thế hệ. Phật giáo đã dung hợp cùng những giá trị truyền thống Việt Nam, thể hiện được khát vọng sống thiện, yêu thương, nhân nghĩa và có hậu của con người Việt Nam. Lối sống ấy đã hòa nhập vào nhịp sống của dân tộc và đã có ảnh hưởng lên mọi bình diện của lối sống người Việt. Trải qua quá trình hội nhập và phát triển, thông qua sự chọn lọc, tiếp thu của các thời đại, Phật giáo Việt Nam không ngừng lớn mạnh và phát triển. Phật giáo đã ăn sâu bén rễ vào trong lòng dân tộc, là mạch nguồn hòa chảy vào suối nguồn dân tộc.

Đạo đức Phật giáo đã có những ảnh hưởng không nhỏ tới lối sống người Việt Nam trong lịch sử cũng như hiện nay, biểu hiện trên một số phương diện cơ bản như cách thức lao động sản xuất và tổ chức cuộc sống, phong tục tập quán, triết lý sống, phương thức ứng xử... Mỗi phương diện đều có chiều sâu ảnh hưởng khác nhau, song nhìn chung ảnh hưởng của Phật giáo đều hướng con người làm thiện, tạo điều phúc để hưởng hạnh phúc mai sau. Phật giáo đã góp phần hình thành ở người Việt Nam lối sống bình dị, chất phác, thật thà, rất đổi thủy chung, có nghĩa có tình, có trước có sau, hướng con người vào thực hành cái thiện, tránh xa cái ác, đem lại sự thanh thản trong tâm hồn mỗi con người. Từ đó, định hướng cho mỗi chúng ta một hướng đi, một lối sống nhân văn, một quan niệm sống vững chắc trước mọi hoàn cảnh khó khăn, đồng thời giúp ta

làm chủ cuộc đời. Đạo đức Phật giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới, thừa nhận những giá trị văn hóa tinh thần trong tôn giáo khuyến khích mọi người giữ gìn và phát huy đoàn kết tôn giáo, đoàn kết toàn dân tộc, tích cực đóng góp sức lực và trí tuệ vào công cuộc xây dựng xã hội mới, đồng thời tăng cường hợp tác giữa các tôn giáo Việt Nam với các tôn giáo các quốc gia trên thế giới vì mục tiêu hòa bình, phát triển và tiến bộ xã hội. Với quan điểm trên, Phật giáo sẽ phát huy những mặt tích cực góp phần quan trọng xây dựng một đời sống tinh thần lành mạnh, bảo tồn các giá trị tốt đẹp cũng như có những biến đổi cho phù hợp với xu thế thời đại. Phát huy mặt tích cực và đồng thời hạn chế mặt tiêu cực trong ảnh hưởng của Phật giáo lối sống của con người Việt Nam hiện nay là một yêu cầu khách quan cùng với quá trình xây dựng lối sống mới trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tác giả: **ĐĐ.Thích Chúc Duyên** Học viên Cao học Khóa 4, Học viện PGVN tại Tp.HCM

*** CHÚ THÍCH: [1] Kidder, Rushworth (2003). *How Good People Make Tough Choices: Resolving the Dilemmas of Ethical Living*. New York: Harper Collins. tr. 63 [2] Paul, Richard; Elder, Linda (2006). *The Miniature Guide to Understanding the Foundations of Ethical Reasoning*. United States: Foundation for Critical Thinking Free Press. tr.173 [3] Sđđ, tr.173 [4] Williams, Bernard. *Ethics and the Limits of Philosophy*. tr. 2. [5] “Are We Professionals? A Critical Look at the Social Role of Bioethicists”. *Daedalus*. 1999. tr. 253-274 [6] Professor Michiel S.S. De De Vries; Professor Pan Suk Kim (2011). *Value and Virtue in Public Administration: A Comparative Perspective*. Palgrave Macmillan. tr. 42. [7] Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam. (2000). *Từ điển Bách khoa Việt Nam 1 (A-Đ)*. Hà Nội: Từ điển Bách khoa, tr.738. [8] Oxford University Press, *Oxford Advanced Learner’s Dictionary Of Current English – 2000*, tr.125 [9] Nguyễn Thanh Bình: *Học thuyết chính trị - xã hội Nho giáo và sự ảnh hưởng của nó ở Việt Nam (từ nửa đầu thế kỷ XI đến giữa thế kỷ XXI)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003. [10] Trần Văn Giàu. (1980). *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*. Hà Nội: Khoa học Xã hội, tr.108. [11] Đảng Cộng Sản Việt Nam. (1998). *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm – Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Hà Nội: Chính trị quốc gia, tr.56. [12] Thích Quảng Độ dịch. (2000). *Phật Quang đại từ điển, tập 2: Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc*, tr.1621 [13] Đoàn Trung Còn. (2015). *Từ điển Phật học: Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh*, tr.524 [14] Thích Minh Châu dịch. (1991). *Kinh Trường bộ, tập 1. TP. HCM: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam*, tr.541-542. [15] Thích Minh Châu dịch. (1991). *Kinh Trường bộ, tập 1. TP. HCM: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam*, tr.542-543. [16] Thích Minh Châu dịch. (1991). *Kinh Trường bộ, tập 1. TP.*

HCM: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, tr.543. [17] Thích Minh Châu dịch. (1991). Kinh Trường bộ, tập 1. TP. HCM: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, tr.543. [18] Thích Minh Châu dịch. (1991). Kinh Trường bộ, tập 1. TP. HCM: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, tr.538-539. [19] Thích Minh Châu dịch. (1991). Kinh Trường bộ, tập 1. TP. HCM: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, tr.544. [20] Thích Minh Châu dịch. (1991). Kinh Trường bộ, tập 1. TP. HCM: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, tr.544 [21] Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Hội đồng trị sự. (2018). Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (tu chính lần thứ VI). Hà Nội: Tôn giáo, tr.3. [22] Giáo hội Phật giáo Việt Nam: Kỷ yếu Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII, Nxb. Tôn giáo, H, 2014, tr.50.

TÀI LIỆU THAM KHẢO 1. Ngô Thị Lan Anh (2011), Ảnh hưởng của “Tâm” trong Phật giáo đối với văn hóa tinh thần của người Việt Nam hiện nay, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội. 2. Nguyễn Thị Bảy (1997), Văn hóa Phật giáo và lối sống của người Việt ở Hà Nội và châu thổ Bắc Bộ, Nxb Thông tin, Hà Nội. 3. Thích Hạnh Bình (dịch) (2007), Phật giáo và cuộc sống, Nxb Phương Đông. 4. Minh Chi, Hà Thúc Minh (1993), Đại cương lịch sử triết học phương Đông, Nxb TP. Hồ Chí Minh. 5. Minh Chi (2001), “Về xu thế thế tục hoá và dân tộc hoá của Phật giáo”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo (3), tr. 26 - 29. 6. Minh Chi (2004), “Vài suy nghĩ về sự hội nhập của Phật giáo vào nền văn hóa Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo (4), tr.58 - 61. 7. Đoàn Trung Còn (2007), Lịch sử nhà Phật, Nxb Tôn giáo, Hà Nội. 8. Mai Thị Dung (2003), Ảnh hưởng của nh n sinh quan Phật giáo trong đời sống tinh thần của con người Việt Nam và sự iến đổi của nó trong quá trình đổi mới hiện nay, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội. 9. Nguyễn Đăng Duy (1999), Phật giáo và văn hóa Việt Nam, Nxb Hà Nội, Hà Nội. 10. Nguyễn Hồng Dương (2008), “Nghiên cứu và ứng dụng các giá trị văn hóa Phật giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo (5), tr. 23-26. 11. Lê Văn Đính (2007), “Bàn thêm về ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay”, Tạp chí nghiên cứu tôn giáo (10), tr.16 -24. 12. Thích Tâm Đức (2008), Quan điểm của Phật giáo về kinh tế và công bằng xã hội, Nxb Viện Nghiên cứu Phật học, TP. Hồ Chí Minh. 13. Trần Văn Giàu (1975), Giá trị tinh thần truyền thống của n tộc Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội. 14. Trần Văn Giàu (1986), Đạo Phật và một số vấn đề của lịch sử tư tưởng Việt Nam (in trong Phật giáo và tư tưởng Việt Nam), Viện Triết học xuất bản, Hà Nội. 15. Trần Văn Giàu (1993), Đạo đức Phật giáo trong thời hiện đại, Nxb TP. Hồ Chí Minh. 16. Lê Đức Hạnh (2005), “Một vài đóng góp của Phật giáo với văn hóa Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo (5), tr.16 - 25. 17. Nguyễn Hùng Hậu (1994), “Phật giáo và sự hình thành nhân cách con người Việt Nam hiện nay”, Tạp chí Triết học (2), tr. 18 -21. 18. Nguyễn Hùng Hậu (1996), “Một số suy nghĩ về ảnh hưởng của Phật giáo đối với tư duy người Việt”, Tạp chí Triết học (5),

tr.24 - 26. 19. Nguyễn Duy Hinh (2006), *Triết học Phật giáo Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin và Viện Văn Hóa Hà Nội. 20. Học viện Phật giáo Việt Nam (2008), *Phật giáo nhập thế và phát triển*, Nxb tôn giáo, Hà Nội. 21. Tạ Chí Hồng (2004), *Ảnh hưởng của đạo đức Phật giáo trong đời sống đạo đức xã hội Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ triết học, Học viện Chính trị Quốc gia HCM, Hà Nội. 22. Hoàng Thị Lan (1997), “Vài suy nghĩ về Phật giáo dân gian Việt Nam”, *Tạp chí nghiên cứu Phật học* (2), tr.10 -14. 23. Nguyễn Lang (1992), *Việt Nam Phật giáo sử luận* (tập 1,2,3), Nxb Văn học, Hà Nội. 24. Thiền sư Định Lực, *cơ sở Nhất Tâm* (2003), *Phật giáo Việt Nam và thế giới*, H. Văn hóa Thông tin. 25. *Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam* (1986), Ủy ban Khoa học xã hội, Viện Triết học, Hà Nội. 26. Thiện Nguyên (2009), *Triết lý giải thoát của Phật giáo đối với đời sống hiện nay*. 27. Thích Đạo Quang (2003), *Đại cương triết học Phật giáo*, Nxb Thuận Hóa, Huế. 28. Nadasena Ratnapala (Thích Huệ Pháp dịch - 2011), *Xã hội học Phật giáo*, Nxb Văn Hóa Sài Gòn. 29. Phạm Văn Sinh (1994), *Về vai trò Phật giáo ở Việt Nam (qua triều đại nhà Lý)*, Luận án PTS khoa học Triết học, Hà Nội. 30. Trần Đăng Sinh (2002), “Phật giáo và ý thức cội nguồn của người Việt Nam”, *Tạp chí nghiên cứu Phật học* (3), tr.30 -34. 31. Junjiro Takakusu (Tuệ Sỹ dịch - 2008), *Tinh hoa triết học Phật giáo*, Nxb Phương Đông, Hà Nội. 32. Hoàng Thị Thơ, “*Tư duy hướng nội của Phật giáo và vai trò của nó trong tư duy của người Việt*”, *Tạp chí Triết học* (5), tr.47 - 55. 33. Hoàng Thị Thơ (2001), “*Giá trị nhân bản của Phật giáo trong truyền thống và hiện đại*”, *Tạp chí triết học* (6), tr.19 - 24. 34. Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (1998), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội. 35. Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (1997), *Ảnh hưởng của các hệ tư tưởng và tôn giáo đối với con người Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. 36. Nguyễn Tài Thư (1993), “*Phật giáo và sự hình thành nhân cách con người Việt Nam hiện nay*”, *Tạp chí Triết học* (4), tr.48 - 53. 37. Lê Hữu Tuấn (1998), *Ảnh hưởng của tư tưởng triết học Phật giáo trong đời sống văn hóa tinh thần ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội. 38. Thích Thanh Tứ (2006), “*Phật giáo Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”, *Tạp chí nghiên cứu Phật học* (3), tr.9 -11. 39. Viện Triết học (1986), *Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội. 40. Trần Quốc Vượng (1992), *Vài nét về Phật giáo dân gian Việt Nam*, Nxb Hà Tây. 41. Phạm Thị Xê (1996), *Ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo trong lối sống của người Huế hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.